

Số: 427/BC-ĐCM

Cám Phả, ngày 15 tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện SXKD năm 2023; Kế hoạch SXKD và Đầu tư xây dựng năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông - Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, với các nội dung chủ yếu sau:

#### A. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023.

##### I. Các căn cứ thực hiện.

Công văn số 79/TKV-KH ngày 10/01/2023 của TKV về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2023.

Quyết định số 1934/QĐ-TKV ngày 12/12/2022 của Hội đồng thành viên TKV về việc Phê duyệt Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2023.

Quyết định số 2072/QĐ-TKV ngày 30/12/2022 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2023.

Quyết định số 824/QĐ-TKV ngày 02/6/2023 của Hội đồng thành viên TKV về việc Bổ sung khối lượng, giá trị thăm dò thuộc Đề án thăm dò mỏ Suối Lại vào Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2023 để thực hiện Dự án hợp tác giữa VINACOMIN và JOGMEC (Nhật Bản).

Nghị quyết số 481/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV;

Các văn bản hướng dẫn khác của TKV.

##### II. Kết quả thực hiện.

##### 1. Đánh giá tình hình thực hiện.

Năm 2023, Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD còn gặp nhiều khó khăn: Công tác xin cấp phép các Đề án thăm dò địa chất - khoáng sản vướng mắc về quy hoạch rừng, xây dựng, văn hóa - du lịch, an ninh quốc phòng...; Chi phí để thực hiện công tác thăm dò đều phải gắn với các dự án khai thác dẫn đến một số Đề án đã được Bộ TN&MT cấp phép thăm dò nhưng không có nguồn vốn để triển khai (mỏ Mạo Khê, Hà Lâm), khối lượng thăm dò khảo sát giảm đã dẫn đến thiếu việc làm; sự cạnh tranh của các đơn vị trong ngành; giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh...

Công tác thỏa thuận với địa phương để cấp phép các Đề án thăm dò: Một số Đề án hiện chưa triển khai thực hiện được (Vàng Danh, Đồng Vông, Nam Mẫu, Bảo Đài II+III...) do phần lớn diện tích thuộc Quy hoạch rừng phòng hộ



dẫn tới không đủ trữ lượng than để các đơn vị sản xuất than lập các dự án khai thác. Một số Đề án đã được cấp phép thăm dò nhưng trong khu mỏ vẫn còn khối lượng khá lớn các lỗ khoan nằm trong diện tích quy hoạch rừng phòng hộ, hiện chưa được phép thi công thăm dò (mỏ Suối Lại, mỏ Hà Ráng). Khối lượng khoan thăm dò của Công ty chuyển tiếp từ năm 2022 sang 2023 không nhiều (3.185mk); Quy trình lựa chọn đơn vị tư vấn và thi công theo quy định mất nhiều thời gian, người lao động thiếu việc làm trong Quý I, kết quả sản xuất Quý I/2023 đạt rất thấp ( $3.243,2 / 54.060mk = 6,0\%$  KH năm). Đến ngày 10/4/2023, 100% các đơn vị, tổ máy của Công ty mới có đủ vị trí vào thi công, 100% người lao động có việc làm, do vậy thời gian thi công trong năm ngắn, điều kiện thi công ngày càng khó khăn, giá cả vật tư, nhiên liệu vẫn ở mức cao, phát sinh thêm nhiều chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD, trong khi TKV thanh toán cho Công ty là đơn giá cố định được xây dựng từ năm 2018 là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của Công ty.

Trước tình hình trên, Công ty đã có những giải pháp chỉ đạo quyết liệt, kịp thời thích ứng với tình hình thực tế, chủ động tìm kiếm việc làm, điều động, bố trí lao động giữa các khối sản xuất phù hợp với thực tế và người lao động sớm có việc làm. Tập trung thực hiện tốt công tác chuẩn bị thi công: huấn luyện tay nghề, huấn luyện an toàn, vệ sinh môi trường cho đội ngũ công nhân kỹ thuật vận hành khoan máy địa chất, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị khoan, chuẩn bị sẵn sàng các vật tư và nguyên liệu phục vụ sản xuất, trang bị các điều kiện ăn ở cho công nhân tại công trường. Tăng cường công tác quản lý, quản trị chi phí, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ để tăng năng suất lao động, tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, tạo việc làm thu nhập, đảm bảo ổn định tư tưởng, đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Những giải pháp lãnh đạo, điều hành đồng bộ, linh hoạt ngay từ đầu năm, cùng với năng lực và truyền thống đoàn kết, đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động Công ty đã nắm bắt thuận lợi, vượt qua khó khăn thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023 đề ra.

## 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2023.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6 = 5/4
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>				
	Khoan thăm dò	mét	54.060,0	59.744,5	110,5
	Khảo sát trắc địa	ha	17.050,0	19.048,9	111,7
<b>2</b>	<b>Giá trị thực hiện</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>320.000</b>	<b>350.025</b>	<b>109,4</b>
	Khoan thăm dò	tr.đồng	271.990	286.159	105,2
	Khảo sát trắc địa	"	23.650	26.668	112,8
	Nhiệm vụ Địa chất	"	10.660	15.219	142,8
	Dịch vụ khoáng nóng	"	11.000	16.356	148,7
	SXKD khác	"	2.700	5.623	208,3
<b>3</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>320.000</b>	<b>347.107</b>	<b>108,5</b>



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6 = 5/4
	Doanh thu địa chất	"	306.300	328.508	107,3
	Doanh khác	"	13.700	18.599	135,8
<b>4</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>313.650</b>	<b>341.724</b>	<b>109,0</b>
4.1	Chi phí trung gian	"	201.099	216.860	107,8
	Vật liệu	"	91.923	97.344	105,9
	Nhiên liệu	"	18.582	22.334	120,2
	Động lực	"	1.172	1.475	125,9
	Chi khác	"	57.803	75.244	130,2
	Mua ngoài	"	31.619	20.463	64,7
4.2	Giá trị gia tăng	"	112.551	124.864	110,9
	Khấu hao tài sản	"	10.703	12.276	114,7
	Tiền lương	"	88.283	99.866	113,1
	- Tiền lương SXKD	"	85.023	96.299	113,3
	- Tiền lương viên chức quản lý	"	1.593	1.818	114,1
	- Tiền lương QLVH Miếu Mỏ, khác	"	1.667	1.749	104,9
	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	"	12.286	11.520	93,8
	Thuế trong giá thành	"	1.279	1.202	94,0
*	<b>K/chuyển chi phí dở dang (ĐK - CK)</b>	<b>tr.đồng</b>		<b>-1.794</b>	
	Dở dang đầu kỳ	"		504	
	Dở dang cuối kỳ	"		2.298	
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>6.350</b>	<b>7.177</b>	<b>113,0</b>
<b>6</b>	<b>Lao động, tiền lương</b>				
	Tổng quỹ lương	tr.đồng	88.283	99.866	113,1
	Lao động bình quân	người	720	667	92,6
	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	10.218	12.477	122,1
	Đơn giá tiền lương	đ/1000đ DT	285,0	290,0	101,8
<b>7</b>	<b>Đầu tư XDCB</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>8.555</b>	<b>8.325,5</b>	<b>97,3</b>

Năm 2023 Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD gặp nhiều khó khăn do khối lượng khoan thăm dò chuyển từ năm 2022 sang thấp (3.185mk), quá trình lựa chọn đơn vị tư vấn và thi công theo quy định của TKV kéo dài, thiếu việc làm, vì vậy đến 10/4/2023, 100% các đơn vị, tổ máy của Công ty mới vào thi công, do vậy thời gian thi công ngắn, dẫn đến năng suất bình quân cả năm thấp, bên cạnh đó điều kiện thi công ngày càng khó khăn, ảnh hưởng thời tiết..., kết quả thi công khối lượng khoan TD đạt 110,5% KH, giá trị thực hiện đạt 109,4% KH.

Về chi phí sản xuất: Giá cả vật tư, nhiên liệu vẫn ở mức cao, phát sinh nhiều chi phí phục vụ thi công như chi phí vận chuyển, gác máy do nguyên nhân khách quan, chi phí vận chuyển thủ công đối với khoan trong lò, chi phí đền bù cao...; các công trình khoan trên bãi thải dày, nhiều tầng lò cũ, địa tầng



phức tạp (Mông Dương, Lộ Trí, Hà Ráng, Suối Lại, Vàng Danh) làm tăng chi phí sử dụng phụ gia; địa hình núi cao, độ dốc lớn (Vàng Danh, Mạo Khê, Hà Ráng) làm tăng chi phí vận chuyển, khu vực khai thác, nổ mìn (Khe chàm II-IV); công tác làm đường, nền gặp nhiều khó khăn khi mưa lớn gây dịch động, sạt lở làm mất, hỏng đường, nền khoan (Suối Lại, Vàng Danh, Mạo Khê, Khe chàm II-IV) ảnh hưởng lớn đến công tác thi công, sửa chữa đường, nền và hoàn nguyên môi trường.

Từ những khó khăn trên làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty, tuy nhiên năm 2023 Công ty vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao, lợi nhuận đạt 113,0%

### **III. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ thăm dò khảo sát.**

#### **1. Công tác tư vấn.**

- Về công tác lập Báo cáo địa chất: Hoàn thành lập 03 Báo cáo địa chất các khu mỏ: khu vực Bắc Bàng Danh - mỏ than Suối Lại, mỏ than Hà Lâm, khu Trung Tâm - mỏ than Vàng Danh. Trong đó, Báo cáo nâng cấp trữ lượng khu vực Bắc Bàng Danh - mỏ than Suối Lại được Hội đồng TLKSQG phê duyệt (tháng 5/2023), Báo cáo thăm dò mỏ than Hà Lâm đã thẩm định xong, đang chờ Hội đồng TLKSQG tổ chức họp Hội nghị để phê duyệt, Báo cáo tính lại trữ lượng khu Trung Tâm - mỏ than Vàng Danh đang trình Hội đồng TLKSQG tiếp nhận, thẩm định. Ngoài ra, Công ty còn hoàn thành nhiều báo cáo chuyên đề về địa chất, ĐCTV-ĐCCT, kịp thời bàn giao để các Công ty sản xuất than đưa vào sử dụng phục vụ sản xuất.

- Về công tác lập Đề án/Phương án thăm dò: Năm 2023, Công ty hoàn thành phê duyệt thiết kế thi công, dự toán đối với khối lượng thăm dò theo Kế hoạch TDKS năm 2023 của Đề án thăm dò mỏ than Suối Lại (Giấy phép TD số 18/GP-BTNMT ngày 24/1/2022), các phương án thăm dò phục vụ khai thác trong năm theo kế hoạch của các đơn vị (Vàng Danh, Mạo Khê, Nam Mẫu...) đã được lập và trình thông qua, phê duyệt kịp thời đưa vào triển khai thi công đảm bảo tiến độ, an toàn cũng như đảm bảo việc làm cho người lao động. Ngoài ra, Công ty còn phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành lập Đề án thăm dò khu Cánh Gà - mỏ than Vàng Danh đang trình Bộ TN&MT thẩm định, cấp Giấy phép.

- Các phương án TDKS khác: Công ty đã phối hợp với các đơn vị chủ đầu tư thực hiện công tác tư vấn.

#### **2. Công tác thi công.**

##### **2.1. Khoan thăm dò.**

Tổ chức thi công các Đề án/Phương án gồm:

- Thi công khối lượng dở dang năm 2022 chuyển sang của các Đề án TD mỏ than Mạo Khê, Hà Ráng, Suối Lại (JOGMEC).

- Thi công khối lượng năm 2023 của các Đề án/Phương án thăm dò mỏ than Suối Lại, Suối Lại (JOGMEC), ĐCCT-ĐCTV Hòn Gai, Hà Lâm, Núi Béo, Mạo Khê, Vàng Danh (trên mặt + trong lò), Nam Mẫu (thăm dò trong lò + tháo nước trong lò), Mông Dương, Thống Nhất, Quan Hanh (TD trong lò), Khe Chàm II-IV.



**\* Khối lượng:**

Nội dung	Khối lượng (m)	Mẫu lấy (m)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng khối lượng thực hiện năm 2023</b>	<b>59.744,5</b>		
Trong đó: - Khoan tháo nước	260,0		
- Khoan qua bãi thải	3.802,3		
- Khoan qua lò cũ, trong lò	6.153,3		
- Khoan TD trong lò	1.716,3		
- Khoan qua than	3.286,4	2.776,2	84,47
- Khoan qua đá	44.526,2	33.056,3	74,24

**2.2. Công tác ĐCTV, ĐCCT.**

Thi công các phương án Quan trắc, đánh giá điều kiện địa chất thủy văn mỏ than Hòn Gai, Lộ Trí, Cọc Sáu, Hà Tu; Quan trắc thủy văn lỗ khoan mỏ than Hà Lâm, xác định hệ số nở rời đất đá thải Cao Sơn.

**2.3. Công tác khảo sát, đo đạc địa hình:**

- Thi công Phương án kiểm tra khối lượng mỏ cuối năm 2022 phần dở dang chuyển sang năm 2023.

- Triển khai thi công các phương án Đo khối lượng mỏ cuối năm 2023, khảo sát địa hình, quan trắc trong lò, quan trắc dịch động bờ mỏ, bãi thải, sân công nghiệp, thành lập lưới khống chế... thuộc các đơn vị sản xuất than, kiểm kê than tồn các đơn vị tuyển than, kho vận và cảng.

Chất lượng thi công: Đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật các Đề án/Phương án đã đề ra.

**IV. Công tác quản trị chi phí và quản lý lao động:**

**1. Khấu hao TSCĐ:** Được trích vào giá thành sản phẩm theo mức quy định

**2. Công tác quản lý, sử dụng vật tư:****2.1. Quy định áp dụng:**

- Thông tư số 11/2010/TT-BTNMT ngày 05/7/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, V/v Ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật các công trình Địa chất.

- Thông tư số 07/2013/TT-BTNMT ngày 07/5/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, V/v Ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật các công trình Địa chất.

- Quyết định số: 1380/QĐ-TM-KHZ ngày 12/6/2007 của TKV, V/v Ban hành định mức tiêu hao vật tư kỹ thuật khoan lấy mẫu bằng công nghệ cáp luồn trong các công trình khảo sát thăm dò chuyên ngành than.

- Quyết định số: 1772/QĐ-TKV ngày 01/10/2018 của TKV, V/v Ban hành Bộ định mức, Đơn giá các công trình khảo sát, thăm dò Than và Khoáng sản;

- Quyết định số: 1366/QĐ-ĐCM ngày 30/8/2016, V/v Ban hành định mức vật tư công trình thăm dò Than và Khoáng sản, áp dụng trong nội bộ Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.

**2.2. Công tác mua sắm, cấp phát vật tư, quản lý và bảo quản vật tư.**

- Vật tư mua sắm được căn cứ vào nhu cầu thực tế sản xuất, thông qua các hợp đồng mua bán, giá mua cạnh tranh. Quy trình thực hiện theo các quy



định của Nhà nước, TKV và của Công ty. Tất cả vật tư mua sắm đều đảm bảo chất lượng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

- Công tác cấp phát và sử dụng vật tư được thực hiện theo định mức, thiết kế kỹ thuật và nhu cầu thực tế của từng công trình, đồng thời thực hiện trên nguyên tắc thu cũ, cấp mới.

- Vật tư tại các công trường được sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích theo yêu cầu thực tế của công việc, dự toán và thiết kế kỹ thuật đã phê duyệt.

### 2.3. Phân tích, đánh giá thực hiện định mức tiêu hao vật tư

Năm 2023 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, do đó Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vật tư khoan chủ yếu được cấp phát sát với định mức tiêu hao, các công trình khoan của Công ty thực hiện trong năm 2023 đều hoàn thành nhiệm vụ và cân đối được chi phí giao khoán.

### 2.4. Tồn kho vật tư:

Tồn kho cuối kỳ được Công ty kiểm soát chặt chẽ phù hợp với tình hình, đặc thù của sản xuất và khả năng cung ứng của thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ tồn kho năm 2023 bằng 3,5% thấp hơn so với quy định 5% của TKV.

### 2.5. Đơn giá vật tư:

Đơn giá vật tư chủ yếu thực hiện năm 2023 ổn định sát với đơn giá kế hoạch, đối với dầu diezen đơn giá thực hiện đã giảm so với kế hoạch và năm 2022, tuy nhiên vẫn ở mức cao làm ảnh hưởng tới chi phí sản xuất năm 2023 của Công ty:

- Giá dầu diezen giảm 1.392,8 đ/lít bằng 93,1% so với kế hoạch.
- Giá xăng tăng 469,14 đ/lít bằng 102,3% so với kế hoạch.
- Đơn giá vật tư khoan chủ yếu, dầu mỡ phụ, hóa phẩm dung dịch khoan và xi măng thực hiện năm 2023 tương đương với đơn giá kế hoạch.

Đơn giá một số vật tư khác tăng, giảm nhẹ so với kế hoạch và các năm là do Công ty thay đổi chủng loại của vật tư để đáp ứng nhu cầu thực tế của sản xuất.

### 2.6. Tổng hợp tình hình mua bán, sử dụng vật tư năm 2023:

- Tồn đầu năm 01/01/2023: 4.021 triệu đồng
- Nhập trong kỳ: 143.776 triệu đồng
- Xuất trong kỳ: 142.797 triệu đồng
- Tồn cuối kỳ 31/12/2023: 5.000 triệu đồng

## 3. Công tác quản lý lao động, tiền lương:

### 3.1. Tuyển dụng, sử dụng lao động:

- Căn cứ khối lượng và giá trị được Hội đồng quản trị phê duyệt, trên cơ sở được TKV thông qua và căn cứ định mức lao động, Công ty xác định lao động kế hoạch cần sử dụng trong năm để đưa ra kế hoạch tuyển dụng lao động.

- Tình hình tuyển dụng lao động: Căn cứ vào kế hoạch tuyển dụng năm 2023 và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty; Năm 2023 tuyển mới



và tiếp nhận lại: 20 lao động/49 lao động kế hoạch (bao gồm: (VH máy khoan địa chất: 11 người; Điều dưỡng: 5 người; Cơ khí: 2 người; Địa chất : 01 người; Trắc địa: 01 người đạt 40,8 % kế hoạch).

- Sử dụng lao động và chất lượng lao động: Đầu năm được sự quan tâm của lãnh đạo TKV, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban quản lý điều hành, Công ty bám sát các gói thầu, hoàn tất các hợp đồng, đầu quý II Công ty mới có đủ việc làm. Quý I để tạo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động, Công ty tổ chức các lớp học nâng cao trình độ và bồi dưỡng nghề cho công nhân dây chuyền sản xuất chính, điều động công nhân bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị khoan để chuẩn bị tốt cho sản xuất.

- Công tác tái cơ cấu lao động: Công ty thực hiện tiết giảm lao động năm 2023 là 29 người, đảm bảo số lao động không vượt quá số lao động theo kế hoạch số 79/TKV - KH ngày 10/01/2023 của Tập đoàn TKV.

- Các giải pháp giữ chân, thu hút lao động có tài năng, có tay nghề, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao: Năm 2023, Công ty đã mở các lớp đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng tay nghề đáp ứng nhu cầu SXKD năm 2023 và những năm tiếp theo, tạo sân chơi cho người lao động như tổ chức giao hữu bóng chuyền hơi giữa các đơn vị trong Công ty nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm, hàng tháng, quý Công ty bám sát các tổ đội và khen thưởng và tuyên dương kịp thời các cá nhân, lao động xuất sắc.

- Bố trí việc làm cho người lao động.

+ Công ty sắp xếp lao động hợp lý đảm bảo tiền lương một công không thấp hơn mức tiền lương khoán theo kế hoạch.

- Giải quyết chính sách đối với lao động thiếu việc làm, thôi việc: Đã tổ chức rà soát, bố trí, tạo việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động và giải quyết thôi việc cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Cơ cấu lao động theo từng khu vực như sau:

Chi tiêu	LĐ danh sách kế hoạch đến 31/12/2023	Thực hiện năm 2023				
		LĐ có mặt 01/01/2023	LĐ có mặt 31/12/2023	Tăng (+); giảm (-)	Trong đó	
					Giảm tuyệt đối (ii)	Giảm tương đối (iii)
A	B	1	2	3 = 2-1	4	5
Tổng số	704	668	659	- 9		-29
- Công nghệ	492	460	448	- 12		- 22
- Phục trợ	42	43	45	+2		
- Phục vụ	63	62	62			- 5
- HĐ số: 74	15	11	13	+ 2		
- Quản lý	92	92	91	- 1	-1	- 1

### 3.2. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng của người lao động, người quản lý năm 2023.

#### 3.2.1. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng của người lao động

a. Việc áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương của TKV: Trên cơ sở hệ thống thang lương, bảng lương của TKV, Công ty đã ban hành hệ thống



thang lương, bảng lương về chế độ phụ cấp lương theo Quyết định số 1354/QĐ-ĐCM ngày 10/11/2022 áp dụng từ 1/7/2022.

b. Việc xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch tạm ứng và giao khoán tiền lương: Thực hiện các thông tư số 27; 28/2016/TT - BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội; văn bản quy định hướng dẫn của TKV về năng suất, định mức... để xác định quỹ tiền lương kế hoạch. Trích lập các quỹ và giao khoán tiền lương cho các đơn vị, người lao động.

c. Việc xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động theo quy định:

- Giá trị thực hiện năm 2023:

+ Giá trị tổng số: 348.469 trđ

+ Giá trị không tham gia tính lương: 15.450 trđ

+ Giá trị tính lương: 333.019 trđ

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023: 98.047 trđ. Trong đó:

+ Quỹ tiền lương tính theo đơn giá là: 96.298 trđ

+ Quỹ tiền lương thực trả cho quản lý, phục vụ tại Miếu mở theo HĐ số 74/HĐ/2023/ĐCM – TKV ngày 02/6/2023 của TKV là: 1.749 trđ;

d. Giao khoán, bổ sung tiền lương, tiền thưởng và các chế độ theo quy định của nhà nước:

- Giao khoán: Trên cơ sở thông tư, nghị định, các quy chế cơ chế của Công ty ban hành để xây dựng và giao đơn giá khoán tiền lương cho cá nhân, đơn vị sản xuất đảm bảo thu nhập hài hòa giữa các đơn vị và người lao động.

- Về bổ sung tiền lương, chi lương khuyến khích, tiền thưởng, các chế độ cho người lao động: Công ty thực hiện các quy định.

### 3.2.2. Tiền lương đối với người quản lý Công ty năm 2023.

- Tình hình xếp lương: Được thực hiện theo quy định tại hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty đã ban hành.

- Xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch: Công ty xây dựng quỹ tiền lương, thù lao cho thành viên người quản lý trên cơ sở Nghị định, thông tư của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của TKV để triển khai thực hiện.

- Tạm ứng, bổ sung tiền lương, thù lao, tiền thưởng: Thực hiện theo quy định.

- Xác định quỹ tiền lương và thù lao gắn với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ giá trị và lợi nhuận thực hiện và theo Thông tư số 28, quỹ tiền lương của người quản lý: 1.819 trđ.

- Việc trích chuyển tiền lương, thù lao, tiền thưởng: Công ty tạm ứng và quyết toán thù lao, tiền thưởng theo hướng dẫn chuyển thù lao, tiền thưởng cho người đại diện của TKV tại doanh nghiệp theo công văn số 5559/TKV-TCNS ngày 23/10/2018.

### 3.3. Thực hiện năng suất, định mức lao động:

Công ty áp dụng định mức lao động dựa trên phương pháp thống kê thực tế thi công của những năm trước liên kết, căn cứ các quy định, văn bản hướng dẫn của TKV, Nhà nước và hàng năm qua phân tích đánh giá định mức được điều chỉnh tăng từ 1-3% và là cơ sở giao khoán đơn giá tiền lương cho các đơn vị.



Công ty thiếu việc làm trong quý I, do đó trong 6 tháng đầu năm 2023 việc thực hiện theo năng suất và định mức không áp dụng mà căn cứ khối lượng, giá trị thực tế thi công, cân đối bố trí lao động hợp lý để tạo thu nhập cho người lao động ổn định, yên tâm công tác, giảm thiểu công nhân sản xuất chình tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ.

### 3.4. Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:

- Ăn giữa ca: chi trả mức 730.000đ/ người/tháng
- Ăn định lượng cho công nhân khoan trong hầm lò: 65.000đ/công
- Phụ cấp đi lại làm việc cho người lao động theo 3 mức: Mức 1: 18.000đ/công; mức 2: 28.000đ/công; mức 3: 38.000đ/công.
- Bồi dưỡng độc hại theo 02 mức: Mức 10.000đ/công, mức 15.000đ/công áp dụng đến tháng 2 năm 2023 và từ tháng 3 năm 2023 áp dụng 02 mức: Mức 13.000đ/công; mức: 20.000đ/công
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Căn cứ hệ thống thang lương, bảng lương TKV Công ty xây dựng thang bảng lương và chủ động sắp xếp điều chỉnh mức lương đóng bảo hiểm cho CBCNV toàn Công ty theo quy định và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do TKV và Nhà nước quy định.

### 3.5. Công tác tuyển sinh, đào tạo:

Công tác tuyển sinh và đào tạo: Căn cứ kế hoạch lao động cần tuyển dụng đã được xây dựng trong kế hoạch phối hợp kinh doanh hàng năm, Công ty thực hiện công tác đào tạo và tuyển dụng lao động.

Kết quả tuyển sinh, tuyển dụng và sử dụng lao động theo bảng sau:

Chỉ tiêu	Tuyển sinh (học sinh)		Biến động (công nhân)				
	KH	Thực hiện	Số đầu năm	Tăng (+)	Giảm (-)	Trong đó: Thôi việc, bỏ việc	Số cuối kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>49</b>		<b>668</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>15</b>	<b>659</b>
Trong đó:							
- Khoan máy địa chất	35		277	11	15	13	273
- Địa vật lý	1		14				14
- Địa chất	3		44	1	1	1	44
- Ngành nghề khác	10		333	8	13	6	328

**4. Công tác quản lý chi phí khác:** Chi phí khác gồm nhiều nội dung như công tác phí, điện, điện thoại văn phòng, hội họp, tiếp khách, lãi vay ngân hàng .... được Công ty thực hiện theo nội dung cụ thể và áp dụng các định mức chi phí hợp lý, đảm bảo mức giao khoán hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

### V. Công tác đầu tư XDCB:

Năm 2023 Công ty được TKV thông báo kế hoạch đầu tư tại Công văn số 229/TKV-ĐT ngày 18/01/2023. Gồm 02 Dự án: (1) Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023 và (2) Chuẩn bị Dự án khu nghỉ dưỡng Khoáng nóng Địa chất.



- Dự án khu nghỉ dưỡng Khoáng nóng Địa chất: UBND TP Cần Thơ đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Dự án tại Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 26/8/2023. Hiện tại Công ty đang trình nộp UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án và triển khai các bước chuẩn bị dự án (giá trị đã thực hiện 983,41 triệu đồng).

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất: Hoàn thành dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023, giá trị thực hiện 7.563,1 triệu đồng.

Kết quả giá trị thực hiện năm 2023 là 8.325,5trđ / 8.555 trđ, đạt tỷ lệ 97,3% KHĐC.

Đánh giá chung: Công ty đã thực hiện theo các quy định của nhà nước, quy chế, quy định của TKV và Công ty. Đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, đáp ứng được nhu cầu SXKD, phù hợp với khả năng huy động vốn và điều kiện tài chính của Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển, quy hoạch của TKV và địa phương và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

#### **VI. Công tác tiết giảm chi phí.**

Công ty đã ban hành các văn bản khoán, quản trị nhằm tiết giảm chi phí:

- Quyết định số 173/QĐ-ĐCM ngày 28/02/2023 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành đơn giá tiền lương khoán sản phẩm và quỹ tiền lương khoán hoàn thành nhiệm vụ cho các đơn vị năm 2023.

- Quyết định số 250/QĐ-ĐCM ngày 20/3/2023 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

- Chỉ thị số 459/CT-ĐCM ngày 17/4/2023 của Giám đốc Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí năm 2023.

- Quyết định số 805/QĐ-ĐCM ngày 30/6/2023 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc ban hành Quy định chi tiết về công tác vật tư trong nội bộ Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

- Quy định số 788/ĐCM-VT ngày 04/7/2023 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Quy định danh mục vật tư bắt buộc thu cũ.

- Quyết định số 818/QĐ-ĐCM ngày 04/7/2023 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành danh mục các vật tư chủ yếu bắt buộc phải có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ khi mua sắm phục vụ sản xuất.

- Quyết định số 1265/QĐ-ĐCM ngày 02/10/2023 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc điều chỉnh đơn giá khoán chi phí sản xuất cho các đơn vị.

- Công văn số 1215/ĐCM-KHĐT ngày 17/10/2023 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Tăng cường thực hiện các biện pháp quản trị chi phí Quý IV/2023.

- Các văn bản liên quan đến công tác quản trị lao động tiền lương, tài chính.

Kết quả năm 2023 lợi nhuận của Công ty đạt 7.177 triệu đồng.



Đánh giá: Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế khoán, đơn giá giao khoán, văn bản quản trị chi phí nội bộ kịp thời đảm bảo sát với yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện sản xuất, điều kiện kỹ thuật, máy móc thiết bị, an toàn VSLĐ... công tác khoán chi phí đã phát huy tính tự quản, tiết kiệm chi phí ở các công đoạn sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD, năm 2023 các đơn vị nhận khoán đã thực hiện đảm bảo theo định mức, đơn giá giao khoán.

## **B. Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024.**

### **I. Căn cứ thực hiện:**

Công văn số 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024.

Quyết định 2292/QĐ-TKV ngày 26/12/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2024.

Quyết định 56/QĐ-TKV ngày 11/01/2024 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2024.

Công văn số 568/TKV-TN ngày 26/01/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2024.

Văn bản số 6358/TKV-ĐT ngày 25/12/2023 của TKV về việc thông báo kế hoạch đầu tư năm 2024;

Quyết định số 63/QĐ-ĐCM ngày 22/01/2024 của Hội đồng quản trị về việc Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV;

Quyết định số 05/QĐ-ĐCM ngày 04/01/2024 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV;

Văn bản số 2049/TKV-ĐT ngày 15/4/2024 của TKV Về việc thông báo điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2024;

Các văn bản có liên quan khác phục vụ công tác quản lý, điều hành chung trong Công ty.

## **II. Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024.**

### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch	Ghi chú
1	2	3	4	5
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>tr.đ</b>	<b>362.500</b>	
	Doanh thu Địa chất	"	346.000	
	Doanh thu dịch vụ và du lịch Địa chất, khác	"	16.500	
<b>2</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	"	<b>362.500</b>	
	Giá trị sản xuất tính lương	"	<b>328.500</b>	



TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch	Ghi chú
<b>3</b>	<b>Tổng chi phí</b>	"	<b>354.300</b>	
3.1	Chi phí trung gian	"	215.712	
3.2	Giá trị gia tăng	"	138.588	
	- Khấu hao TSCĐ	"	12.374	
	- Tiền lương	"	112.333	
	+ Tiền lương sản xuất kinh doanh	"	108.598	
	+ Tiền lương người quản lý	"	1.987	
	+ Tiền lương QLVH Miếu mở, khác	"	1.749	
	- Bảo hiểm XH, YT, Kinh phí CĐ	"	12.493	
	- Thuế (trong giá thành)	"	1.388	
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>8.200</b>	
	<i>Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu</i>	%	<b>8</b>	
<b>5</b>	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>			
	- Lao động bình quân	người	704	
	- Tiền lương bình quân	1000đ/ng.th	13.297	
	- Đơn giá tiền lương	đ/1000đ GTSX	331	
<b>6</b>	<b>Cổ tức</b>	<b>%VĐL</b>	<b>≥ 2</b>	
<b>7</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	<b>Theo quy định hiện hành</b>		



## 2. Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024.

TT	Danh mục	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	ĐVT	Khối lượng	Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp			Nguồn vốn				
							Xây dựng	Thiết bị	Chi phí tư vấn và khác	Vay thương mại	Vốn Chủ sở hữu	Phúc lợi		Huy động khác
												TKV	Đơn vị	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>Tổng số (A+B+C)</b>					24.679,50		15.883,78	8.795,73		24.679,50	-	-	
A	<b>TRẢ NỢ KHỐI LƯỢNG NĂM TRƯỚC</b>													
B	<b>KẾ HOẠCH 2024</b>													
B1	<b>KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>													
I	<b>DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP</b>													
II	<b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI</b>													
	<i>Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2024</i>	<b>2024</b>	16.771,50			16.771,50		15.883,78	887,73		16.771,50			
1	Máy khoan trên mặt (khoan đến chiều sâu 1.200m)			Bộ	4	7.115,20		7.115,20			7.115,20			
2	Xe ô tô bán tải loại 2 cầu			Cái	1	836,00		836,00			836,00			
3	Xe ô tô chở người 34 chỗ			Cái	1	2.413,00		2.413,00			2.413,00			
4	Máy phát điện 5kW-220V			Cái	1	62,70		62,70			62,70			
5	Máy định vị vệ tinh GNSS RTK đa tần số			Bộ	1	1.026,00		1.026,00			1.026,00			
6	Máy toàn đạc điện tử			Bộ	2	776,00		776,00			776,00			
7	Máy đo sâu đơn tia 1 tần số			Bộ	1	910,10		910,10			910,10			
8	Máy định vị GNSS Receiver			Bộ	1	258,40		258,40			258,40			



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Máy nghiền tinh			Bộ	1	76,00		76,00			76,00			
10	Máy mài nước			Bộ	1	90,25		90,25			90,25			
11	Máy nghiền hàm mẫu than			Bộ	1	71,25		71,25			71,25			
12	Máy nghiền thô			Bộ	1	83,60		83,60			83,60			
13	Máy tháo lắp cần khoan			Bộ	5	669,90		669,90			669,90			
14	Thùng trộn dung dịch			Cái	5	386,38		386,38			386,38			
15	Tạp nước 6m <sup>3</sup>			Cái	5	465,50		465,50			465,50			
16	Máy bơm nước chìm			Bộ	1	276,93		276,93			276,93			
17	Máy in phun màu A0			Cái	1	162,80		162,80			162,80			
18	Máy in phun màu A1			Cái	1	73,15		73,15			73,15			
19	Hệ thống kiểm soát khách hàng			Hệ thống	1	130,63		130,63			130,63			
20	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi					198,13			198,13		198,13			
21	Tư vấn thẩm tra báo cáo NCKT					44,15			44,15		44,15			
22	Chi phí khác					99,25			99,25		99,25			
23	Kiểm toán					69,36			69,36		69,36			
24	Dự phòng					476,85			476,85		476,85			
<b>B2</b>	<b>CHUẨN BỊ DỰ ÁN</b>					<b>5 178</b>			<b>5 178</b>		<b>5 178</b>			
	<i>Dự án nhóm B</i>													
1	<i>Dự án Khu nghỉ dưỡng Khoáng nóng Địa chất</i>	<i>2024-2026</i>	<i>142 800</i>			<i>5 178</i>			<i>5 178</i>		<i>5 178</i>			
1.1	Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án					3 000			3 000		3 000			
1.2	Lập báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường					83			83		83			
1.3	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường					461			461		461			



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1.4	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường					68			68		68			
1.5	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi					490			490		490			
1.6	Thăm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi					96			96		96			
1.7	Đo vẽ bản đồ xin giao đất, thuê đất tỷ lệ 1/500					94			94		94			
1.8	Khảo sát địa chất công trình					336			336		336			
1.9	Khảo sát địa hình (bổ sung)					5			5		5			
1.10	Tư vấn giám sát khảo sát					30			30		30			
1.11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn Quản lý dự án					15			15		15			
1.12	Tư vấn Quản lý dự án					500			500		500			
<b>C</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>					<b>2 730</b>			<b>2 730</b>		<b>2 730</b>			
	<i>Dự án nhóm B</i>													
<b>1</b>	<b>Dự án Khu nghỉ dưỡng Khoáng nóng Địa chất</b>	<b>2024-2026</b>	<b>142 800</b>			<b>2 730</b>			<b>2 730</b>		<b>2 730</b>			
1.1	Lập Thiết kế BVTC-DT					2 410			2 410		2 410			
1.2	Chi phí thăm tra thiết kế BVTC					154			154		154			
1.3	Chi phí thăm tra dự toán BVTC					150			150		150			
1.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn lập thiết kế BVTC-DT					16			16		16			



### III. Các giải pháp thực hiện.

1. Bám sát Kế hoạch khảo sát thăm dò của TKV và các đơn vị khai thác mỏ để hoàn thiện thủ tục ký kết hợp đồng thi công các Đề án/Phương án TDKS năm 2024.
  2. Triển khai hiệu quả các đề án đã được cấp giấy phép thăm dò, các phương án khoan thăm dò phục vụ sản xuất, phương án chuyên đề (chất lượng than, cơ lý đá, ĐCTV, ĐCCT, khoan trong hầm lò...).
  3. Chủ động đẩy mạnh tìm kiếm việc làm, nâng cao chất lượng dịch vụ dịch vụ kỹ thuật (địa chất, trắc địa, ĐCTV-ĐCCT, địa vật lý, gia công và phân tích mẫu), phát huy tốt dịch vụ tại Trung tâm khoáng nóng địa chất.
  4. Xây dựng phương án sản xuất linh hoạt theo điều kiện thi công từng khu vực, tăng cường công tác chuẩn bị vị trí sản xuất để triển khai thi công, tạo việc làm cho người lao động, hạn chế tối đa công nhân nghỉ chờ việc.
  5. Tăng cường quản lý kỹ thuật, chỉ đạo thi công, nâng cao chất lượng, hiệu quả các lỗ khoan sâu, khoan trong vùng địa tầng phức tạp, bãi thải dày, nhiều tầng lò khai thác, khoan trong lò.
  6. Thực hiện công tác an toàn bảo hộ lao động gắn liền với phát triển sản xuất và năng suất lao động, thực hiện nghiêm các quy định về công tác an toàn BHLĐ.
  7. Thực hiện công tác đầu tư, bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với máy móc thiết bị nhằm duy trì sự ổn định vận hành sản xuất đảm bảo an toàn, năng suất thiết bị.
  8. Thực hiện nhiệm vụ đầu tư theo kế hoạch TKV thông qua, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định, phù hợp với chiến lược phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, hiệu quả đầu tư.
  9. Tăng cường công tác điều hành và quản trị chi phí, tiết giảm chi phí, quản lý vật tư, sử dụng máy móc, thiết bị, nhân lực, tiền vốn và các yếu tố đầu vào sản xuất.
  10. Tăng cường công tác tạm ứng, nghiệm thu, hoàn thiện sớm hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ thanh toán vốn phục vụ sản xuất, giảm lãi vay ngân hàng.
  11. Triển khai có hiệu quả công cụ KPIs để trả lương đối với tất cả các đơn vị trong Công ty.
  12. Thực hiện tốt thi đua khen thưởng, ưu tiên khuyến khích lực lượng trực tiếp sản xuất để phát triển phong trào thi đua.
  13. Quan tâm, chăm lo đời sống người lao động, phát triển nguồn nhân lực, làm tốt công tác Quốc phòng - quân sự địa phương.
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông - Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV những nội dung cơ bản trên.

#### Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- Lưu: Vthư, KHĐT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Khấn**